



Chất lượng - Sáng tạo - Hiệu quả

TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC

VĂN HIẾN

ISSN 1859 - 2961

VAN HIEN UNIVERSITY
JOURNAL OF SCIENCE



SỐ 7 (4)
2021

www.vhu.edu.vn

MỤC LỤC CONTENTS

Lời nói đầu

Foreword

VĂN HỌC VIỆT NAM

VIETNAMESE LITERATURE

Xu hướng lai ghép các diễn ngôn trần thuật “nguồn” trong văn xuôi tự sự 5

Trend of hybridization “source” narrative discourse in narrative prose

Nguyễn Thành Thi

Trở lại vấn đề quan hệ “Kim Vân Kiều truyện” và “Truyện Kiều” từ tư liệu 16

Hán Nôm Việt Nam

Back to the topic about the relation between “The Tale of Jin Yun Qiao” and “The Tale of Kieu” through Sino-Nom documents in Vietnam

Đoàn Lê Giang

Cảm quan Thiền Phật trong thơ Nguyễn Bình Khiêm 25

Zen - Buddhism performance in the poetry Nguyen Binh Khiem

Nguyễn Công Lý

Vị Thiền trong “Mộng Ngân Sơn” của Quách Tấn 30

The word “Zen” in “Mong Ngan Son” work of Quach Tan

Lê Đắc Tường

Sự thay đổi quan niệm về LGBT trong xã hội Việt Nam đương đại - trường 37

Changes in people’s perceptions about LGBT in contemporary Vietnamese society: case study on Bui Anh Tan’s novels

Nguyễn Thị Quốc Minh

Tình hình sưu tầm và diện mạo văn học dân gian Vĩnh Long 49

The current status of collection and the characteristics of Vinh Long folk literature

La Mai Thi Gia, Phan Xuân Viện, Lê Thị Thanh Vy

VĂN HỌC SO SÁNH, VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI & LÝ LUẬN VĂN HỌC
COMPARATIVE LITERATURE, FOREIGN LITERATURE AND LITERACY THEORY

Thi pháp viết về cái thường nhật trong văn xuôi Dạ Ngân và Thiết Ngung nhìn từ lý thuyết phê bình nữ quyền 62

Prosody of writing about daily life in prose of two female writers Da Ngan and Thiet Ngung from feminist criticism theory

Hồ Khánh Vân

Tổng quan tình hình nghiên cứu nhân vật thần linh trong truyền thuyết Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc qua nguồn tài liệu tiếng Việt 72

Overview of research on divine characters in Vietnamese, Chinese, Japanese, and Korean legends through Vietnamese documents

Nguyễn Hữu Kim Duyên

Truyện ngắn Trần Quang Nghiệp và Maupassant: Những ảnh hưởng và sáng tạo 84

Tran Quang Nghiep and Maupassant's short story: influences and creation

Trần Thị Mỹ Tiên

Quan điểm về tiếp nhận văn học của Lưu Hiệp (trong so sánh với phê bình phản hồi-độc giả) 96

Liu Xie's thought of literary reception (in comparison to reader-response criticism)

Lê Thị Kim Loan

Roberto Bolaño và chủ đề về những nhà văn, nhà phê bình văn học (trong tác phẩm *Đêm Chile và 2666*) 107

*Roberto Bolaño and the theme of writers and critics (in the novels: *By night in Chile and 2666*)*

Lê Ngọc Phương

Ma thuật, nhìn từ tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* (G.G. Marquez) 123

*Magic viewed from *One Hundred Years of Solitude* (G.G. Marquez)*

Nguyễn Thành Trung

Nhìn lại ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc trong văn học Đông Á thời cổ trung đại 134

Reflecting on the influence of Chinese culture on East Asia literature in ancient middle ages

Đình Phan Cẩm Vân

VĂN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VĂN HỌC
LITERATURE AND TEACHING LITERACY METHODS

Tôi có một giấc mơ (Martin Luther King): Một mẫu mực của thể loại nghị luận ở trường Trung học phổ thông 142

"I have a dream" (Martin Luther King) and the matter of translating and teaching argumentative essays in high schools

Phạm Ngọc Lan

Tính thực tiễn trong giáo dục thơ Haiku: Nhìn từ sách giáo khoa ngữ văn Nhật Bản 149

How is Haiku education becoming more prevalent in Japanese literature textbooks?

Nguyễn Vũ Quỳnh Như

SỰ THAY ĐỔI QUAN NIỆM VỀ LGBT TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI – TRƯỜNG HỢP TIỂU THUYẾT CỦA BUI ANH TẤN

Nguyễn Thị Quốc Minh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh

Mail: ntquocminh1212@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/3/2021; Ngày duyệt đăng: 16/7/2021

Tóm tắt

Xuất phát từ xã hội Á Đông, ở Việt Nam trước đây cách nhìn về LGBT (đồng tính nữ, đồng tính nam, lưỡng tính và chuyển giới) vẫn còn mang nhiều định kiến, kỳ thị, người ta coi LGBT là một dạng bệnh hoạn, khiến những người LGBT dễ bị xa lánh, xúc phạm. LGBT từ chỗ là chủ đề cấm kỵ trong văn học nghệ thuật, gần đây đã bắt đầu được nói tới, lúc đầu còn rụt rè, càng về sau càng mạnh mẽ, thẳng thắn hơn với những cây bút được nhiều người biết đến: Bùi Anh Tấn, Trần Thùy Mai, Vũ Đình Giang, Nguyễn Đình Tú, Thủy Anna, Nguyễn Ngọc Thạch, ... trong đó Bùi Anh Tấn là người mở đầu và có nhiều thành công hơn cả. Những tiểu thuyết của anh như *Một thế giới không có đàn bà*, *Les - vòng tay không đàn ông*, ... viết về cuộc sống, tình yêu của LGBT và cuộc đấu tranh của họ chống lại những định kiến xã hội đã trở thành một hiện tượng thu hút sự chú ý của đông đảo công chúng, nhất là những người LGBT, một số cuốn đã trở thành bán chạy nhất. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi vận dụng thuyết đồng tính và ý nghĩa của việc đọc/ phê bình đồng tính để chỉ ra sự thay đổi về thái độ, quan niệm về LGBT trong xã hội Việt Nam hiện nay qua tác phẩm của nhà văn Bùi Anh Tấn, chủ yếu qua hai tác phẩm trên. Mong muốn của chúng tôi là góp tiếng nói để mọi người nhận thức đúng hơn về LGBT, nhìn họ bằng một cái nhìn nhân văn hơn.

Từ khóa: văn học đồng tính, phê bình đồng tính, LGBT, nhà văn Bùi Anh Tấn.

Changes in people's perceptions about LGBT in contemporary Vietnamese society: case study on Bui Anh Tan's novels

Abstract

As a country belonging to Asian culture, Vietnamese's attitude to LGBT (lesbian, gay, bisexual and transgender) used to be inclined with many prejudices and stigma, people considered LGBT persons as gender problem, thus making LGBT's community to be alienated and offended. LGBT, from being a taboo topic in art and literature, has recently began to be touched upon, at first in a timid way, and then more and more vehement and straight forward with many famous writer such as Bui Anh Tan, Tran Thuy Mai, Vu Dinh Giang, Nguyen Dinh Tu, Thuy Anna, Nguyen Ngoc Thach, etc. in which Bui Anh Tan is one of the most typical writers. His novels such as *Non female world*, *Les - non male embrace*, etc. about LGBT's life, love and their struggle against social prejudices have become a

phenomenon that draws the public attention, especially in LGBT's community, particularly some of them as best sellers. In this article, we apply the Queer Theory and meaning of queer reading/ queer criticism to describe changes in people attitude and perception of LGBT in Vietnamese society nowadays via two above works of Bui Anh Tan. Our desire is to help people have better awareness and more humanistic perspective of LGBT.

Key words: *queer literature, queer criticism, LGBT, writer Bui Anh Tan.*

Mở đầu

LGBT là từ viết tắt tiếng Anh, do các chữ cái đầu ghép lại mà thành, chỉ cộng đồng những người đồng tính luyến ái nữ (Lesbian), đồng tính luyến ái nam (Gay), song tính luyến ái (Bisexual), hoán tính hay còn gọi là người chuyển giới (Transgender).

Đồng tính luyến ái (bao gồm cả nữ và nam) là những người có hấp dẫn về mặt cảm xúc, tình yêu, tình dục với những người cùng giới tính một cách lâu dài và cố định. Song tính luyến ái là những người có sự hấp dẫn về mặt cảm xúc, tình yêu, tình dục với cả những người cùng giới và khác giới một cách lâu dài. Hoán tính hay chuyển giới là những người có bản dạng giới (nhận định, cảm nhận giới tính) khác với biểu hiện giới tính sinh học lúc mới sinh ra. Khái niệm chuyển giới bao gồm người đã phẫu thuật thẩm mỹ để chuyển giới như hoa hậu Hương Giang, ca sĩ Lâm Khánh Chi, Lương Trung Kiên (thí sinh cuộc thi Thách thức danh hài - mùa 5), ... và cả những người chưa phẫu thuật thẩm mỹ để chuyển giới. Gần đây nhất có nam ca sĩ Lynk Lee đã quyết định phẫu thuật thẩm mỹ đổi giới tính thành nữ sau suốt thời gian dài ấp ủ ước mơ mình là con gái!

Xuất phát từ xã hội Á Đông, ở Việt Nam trước đây cách nhìn về LGBT (đồng tính nữ, đồng tính nam, lưỡng tính và chuyển giới) vẫn còn mang nhiều định kiến, kỳ thị, người ta coi LGBT là một dạng bệnh hoạn, khiến những người LGBT dễ bị xa lánh, xúc phạm. Xã hội đã có nhiều thay đổi,

hiện nay cách nhìn về LGBT đã có phần cởi mở, cảm thông hơn và người LGBT cũng đã mạnh dạn nói lên những nỗi niềm, những mong ước cũng như nhu cầu được công nhận, được đối xử bình thường như mọi người. LGBT từ chỗ là chủ đề cấm kỵ trong văn học nghệ thuật, gần đây đã bắt đầu được nói tới, lúc đầu còn rụt rè, càng về sau càng mạnh mẽ, thẳng thắn hơn với những cây bút được nhiều người biết đến: Bùi Anh Tấn, Trần Thùy Mai, Vũ Đình Giang, Nguyễn Đình Tú, Thủy Anna, Nguyễn Ngọc Thạch,... trong đó Bùi Anh Tấn là người mở đầu và có nhiều thành công hơn cả. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi vận dụng thuyết đồng tính (Queer Theory) và ý nghĩa của việc đọc/ phê bình đồng tính (queer reading/ queer criticism) để chỉ ra sự thay đổi về thái độ, quan niệm về LGBT trong xã hội Việt Nam hiện nay qua tác phẩm của nhà văn Bùi Anh Tấn, chủ yếu qua hai tác phẩm *Một thế giới không có đàn bà* và *Les - Vòng tay không đàn ông*. Mong muốn của chúng tôi là góp tiếng nói để mọi người nhận thức đúng hơn về LGBT, nhìn họ bằng một cái nhìn nhân văn hơn.

1. Quan niệm về LGBT trong các sáng tác văn học trước năm 1986

Văn học đồng tính có thể gọi bằng danh từ có tính quốc tế hóa cao hơn như: Văn học Queer hay văn học LGBT. Trong bài viết này chúng tôi sử dụng cách nói “văn học LGBT” vì tính chất phổ biến của LGBT về phương diện xã hội. Thế nào là văn học LGBT? Đó là văn học do các tác giả thuộc

nhóm LGBT sáng tác hay là tác phẩm văn học viết về LGBT? Tôi cho rằng văn học LGBT là văn học viết về những người thuộc nhóm LGBT. Trong thực tế có khá nhiều nhà văn có bản dạng giới tính thuộc nhóm LGBT nhưng không viết về các nhân vật LGBT hoặc không phải tác phẩm nào của họ cũng đề cập đến vấn đề này.

Có thể thấy rất nhiều ví dụ như: André Gide, Marcel Proust, Roland Barthes - những nhà văn Pháp đồng tính nam; Thomas Mann, nhà văn Đức song tính, tác phẩm của họ gần như không đề cập đến vấn đề LGBT, vì vậy không thể nói họ thuộc về các nhà văn LGBT. Ở Việt Nam, Xuân Diệu cũng tương tự, ông là một nhà văn về bản dạng giới thì ông thuộc nhóm LGBT điển hình, ông cũng có vài bài thơ viết về chủ đề này, nhưng đa số các tác phẩm của ông lại không đề cập đến LGBT, vì vậy Xuân Diệu không phải luôn luôn là tác giả thuộc dòng văn học LGBT, mà chỉ một số tác phẩm của ông mà thôi. Có thể nói văn học LGBT là nói về tác phẩm chứ không phải nói về tác giả. Tương tự như vậy, phê bình văn học Queer/ hay LGBT là phê bình tác phẩm văn học viết về LGBT chứ không phải là phê bình tác giả, và càng không phải là công việc đi truy tìm bản dạng giới của tác giả hay mối liên hệ của bản dạng giới ấy với tác phẩm của họ.

Phê bình văn học Queer/ LGBT ra đời trong bối cảnh xã hội có sự phát triển ý thức về quyền của giới hay những nhóm xã hội chịu nhiều thiệt thòi trong đó có người LGBT. Cùng với quá trình ấy, văn học cũng muốn tìm một không gian rộng lớn hơn, ý nghĩa nhân sinh thiết thực hơn cho sự tồn tại của mình, đúng như là bản chất của nó vốn có. Thế nên đã xuất hiện lý thuyết nữ quyền, phê bình sinh thái, phê bình Queer/ LGBT,... Phê bình văn học Queer cho thấy

Queer không chỉ là câu chuyện của giới tính, nó luôn gắn với xã hội. Thái độ đối với LGBT phản ánh nhận thức xã hội về quyền con người, quyền của các nhóm thiểu số hay các nhóm có tiếng nói yếu ớt trong xã hội. Xã hội càng văn minh thì các quyền ấy càng được tôn trọng. Văn học phản ánh quá trình ấy, luôn đồng hành cùng nhân loại trong quá trình ấy.

Thời trung đại, vấn đề LGBT khá phức tạp. Có thể tìm quan niệm xã hội về LGBT thông qua các tác phẩm lịch sử, các phong tục, các thực hành nghi lễ văn hóa như hầu đồng, việc thờ cúng những người thuộc nhóm LGBT đã chết bất đắc kỳ tử, ... Tuy nhiên, thái độ xã hội với LGBT có thể thấy rõ ràng hơn thông qua tác phẩm văn học. Trong văn học trung đại Việt Nam, ai là người đề cập đến vấn đề/ người LGBT sớm nhất? Trước khi đi vào vấn đề này, chúng ta phải trả lời: vấn đề LGBT trong văn học trung đại là vấn đề gì? Có ý kiến cho rằng: LGBT không chỉ là vấn đề tình yêu, tình dục đồng tính, thân phận của những người gọi là “ái nam ái nữ”, mà nó bao gồm cả các hình thức nguy trang như việc giả trai (*Quan Âm Thị Kính*), hay việc đổi vai, núp bóng phụ nữ của các tác giả nam, mượn tiếng nói của phụ nữ để thể hiện tâm sự của mình. Đó là trường hợp Đặng Trần Côn nhập vai người chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm*, Nguyễn Gia Thiều nhập vai người cung nữ trong *Cung oán ngâm khúc*, ... mà nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường gọi là “nhà nho lại cái”. Chúng tôi cho rằng: việc các nhân vật giả trai hay việc các nhà nho - thi sĩ trung đại viết về tâm trạng phụ nữ, kể cả khi nhập vai phụ nữ để nói lên tâm trạng của họ hoàn toàn không thuộc văn học LGBT. Vì giả trai là để thực hành một vai trò xã hội (Mộc Lan trong văn học Trung Quốc cải nam trang để đi lính thay cho cha;

Quan Âm Thị Kính giả làm chú tiểu để tu trong chùa), chuyện ấy không hề có vấn đề mơ hồ giới tính hay thể hiện một xu hướng tình cảm, tình dục nào cả. Còn nhập vai/mượn lời phụ nữ cũng không có liên quan gì tới giới tính, không có chuyện mơ hồ về giới tính, mà chỉ là sự đồng cảm có tính xã hội giữa cặp đôi “tài tử giai nhân” - những nhân vật chính của đô thị cuối thời trung đại. Chúng tôi cho rằng về phạm vi văn học LGBT trung đại thì ngoài các tác phẩm viết về các nhân vật LGBT thực sự - những người có bản dạng giới không rõ ràng, có thể mở rộng ra ở những tác phẩm viết về người bị thiên hoạn - một hình thức “chuyển giới” cưỡng bức, đã man có tính trung cổ, và chỉ đến đó mà thôi.

Tác giả đầu tiên viết về LGBT trung đại là ai? Danh dự đó thuộc về Hồ Xuân Hương “bà chúa thơ Nôm” (từ của Xuân Diệu), một nhà thơ nữ có ý thức rất sớm, rất mới, rất táo bạo về giới tính trong sáng tác văn học. Trong nhiều bài ám dụ về “cái giống”, Hồ Xuân Hương có một bài trực tiếp viết về trường hợp giới tính không rõ ràng, đó là bài *Vô âm nữ*. Nam/ đàn ông là dương; nữ/ đàn bà là âm, quan niệm xưa nay vốn là vậy, nhưng nữ mà lại “vô âm”, vậy có nghĩa là “nữ mà không phải là nữ”, “vô âm” ở đây còn được hiểu cụ thể là “không có cơ quan sinh dục nữ, không có âm vật”. Chúng ta không thể đòi hỏi Hồ Xuân Hương có cái nhìn hiện đại như chúng ta ngày nay về LGBT, nhưng chúng ta không khỏi ngạc nhiên: trong xã hội Nho giáo nặng nề với quan niệm trọng nam, trọng đạo đức, trọng

sự sinh con đẻ cái “con đàn cháu đống” nổi đời tông đường ngày xưa, mà Hồ Xuân Hương có cái nhìn khá “thoáng”, khá cảm thông với một người LGBT như trong bài thơ này:

*Mười hai bà mẹ ghét chi nhau?
 Dem cái xuân tình vứt bỏ đâu?
 Rúc rích thầy cha con chuột nhất⁽¹⁾
 Vo ve mặc mẹ cái ong bầu⁽²⁾.
 Đó ai biết được vông hay chóc⁽³⁾,
 Còn kẻ nào hay cuống với đầu⁽⁴⁾.
 Thôi thế thì thôi, thôi cũng được,
 Trăm năm càng khỏi tiếng nương dâu.*

Trước hết Hồ Xuân Hương cho thấy “vô âm” là sản phẩm của Tạo hóa, của “mười hai bà mẹ” con người vô can, con người không phải chịu trách nhiệm gì về chuyện này. Ca dao có câu “Con gái mười bảy mười ba/ Đêm nằm với mẹ chuột tha mất l.”. Chính vì không có cái “xuân tình” nên con chuột nhất có rúc rích cũng “thầy cha” nó, con ong có vo ve cũng “mặc kệ” nó. Hình ảnh con chuột, con ong ý chỉ chuyện chim chuột, ong bướm - mà chuyện chim chuột, ong bướm là chuyện trai gái không tử tế, không đoan chính. Vậy, không có cái “xuân tình” thì không sợ mang tiếng chuyện tình cảm trai gái “trong ruộng dâu” như sách Thánh Hiền xưa thường nhắc nhở - ý nhà thơ Hồ Xuân Hương có lẽ là vậy. Thông thường trong xã hội phong kiến phương Đông người ta có cái nhìn rất khắt khe với LGBT, thậm chí có một số quốc gia, một số tôn giáo họ coi nó như trường hợp tội lỗi, ma quỷ ám, nhưng với Hồ Xuân Hương thì khác, bà viết về nó với hàm ý

¹ Theo ý ca dao cổ: “Con gái mười bảy mười ba, Đêm nằm với mẹ chuột tha mất l...”. Vì thế, đã “vô âm” thì thầy cha con chuột, cho nó rúc rích chán thì thôi.

² Theo ý ca dao cổ: “Bà cốt đánh trống long bong, Nhảy lên nhảy xuống cái ong đốt l...”. Bây giờ đã “vô âm” thì mặc mẹ cái ong, sợ gì nó đốt.

³ *Vông hay chóc*: Cây chóc cùng họ với cây ráy, lá

tựa lá khoai sọ nhưng nhỏ và dài. Tục ngữ xưa: “Ngồi lá vông, chông mông lá chóc, nằm dọc lá tre, tè he lá khế”; đó là chỉ hình dáng âm vật theo các tư thế khác nhau qua lối ví von nghịch ngợm của dân gian.

⁴ Tục ngữ dân gian thường dùng để mắng người thiếu hiểu biết: “Đầu l... trở xuống, cuống l... trở lên”

cảm thông, không coi là cái gì thật nghiêm trọng, bà còn tìm một lý do để cho nó trở nên “có nghĩa” hơn bằng câu “Trăm năm càng khỏi tiếng nương dâu”.

Cũng có một cái nhìn cảm thông tương tự, dầu chưa thật công bằng như chúng ta ngày nay mong muốn, nhà báo-nhà thơ Lê Sum cũng có bài đề cập đến LGBT là bài thơ *Con bóng lại cái* trong thi tuyển nổi tiếng của ông:

Con bóng lại cái

Tạo hóa sao mà khéo trớ trình⁽⁵⁾

Sanh chi lại cái rất vô tình.

Trai trung gái hạnh không nhìn giống,

Vú mẹ mày cha độ chẳng in.

Trăng gió dầu ai đam dạ quý,⁽⁶⁾

Đá vàng giữ vẹn tấm lòng tình⁽⁷⁾

Cái duyên cầm sắt thài lai hỏi,⁽⁸⁾

Cam lỗi xin chờ kiếp tái sanh.⁽⁹⁾

Bài thơ in trong *Việt âm văn uyển* do Lê Sum tuyển chọn, sách do nhà in/ Imprimerie J. Viêt xuất bản năm 1919 ở Sài Gòn, tr.124.

Đền văn học hiện đại, với sự mở cửa đón nhận những làn gió mới từ phương Tây, nhà thơ Xuân Diệu mạnh dạn khen ngợi mối tình đồng tính của hai nhà thơ Pháp Rimbaud và Verlaine, tuy nhiên cách nói còn khá kín đáo, tình yêu ấy được ngụ ý trang dưới hình thức tình bạn:

Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,

Hai chàng thi sĩ choáng hơi men

Say thơ xa lạ, mê tình bạn,

Khinh rẻ khuôn mơn, bỏ lối quen

Sau khi hiểu bản dạng giới của Xuân Diệu, thì có thể cảm nhận thấy sự khiêu khích mạnh mẽ của nhà thơ về tình yêu đồng tính thông qua những câu thơ cuối:

Kể chi chuyện trước với ngày sau;

Quên gió môi son với áo màu;

Thây kệ thiên đường và địa ngục!

Không hề mặc cả, họ yêu nhau.

(Tình trai)

Nhưng đương thời, người ta vẫn có thể nghĩ đến những cảm hứng, xúc cảm có tính xã hội vì ái tình LGBT vẫn còn quá mới, quá xa lạ đối với xã hội Việt Nam, và chính tác giả cũng ngụ ý trang khá kín đáo qua các hình tượng mơ hồ của tình bạn thông thường.

Sau này trong chiến khu kháng chiến chống Pháp, Xuân Diệu đã bộc lộ tình yêu đồng tính của mình với các đồng chí, nên bị lên án là “*Tư tưởng tiểu tư sản*” và bị kiểm điểm rất nghiêm khắc. Hồi ký *Cát bụi chân ai* của Tô Hoài kể rõ về chuyện ấy: “*Xuân Diệu nức nở, nói: Đây là Tình Trai của tôi... tình trai... rồi nghẹn lời, nước mắt ứa ra... ít lâu sau, trong một buổi họp chấp hành, Xuân Diệu bị đưa ra khỏi Ban Thường vụ (Hội Văn hóa Cứu quốc, trích Tô Hoài, 2000: 243).*”

Nhìn chung xã hội Việt Nam thời phong kiến với tư tưởng Tống Nho làm chủ đạo, có cái nhìn giới tính một cách đơn giản, rất “thẳng” chỉ có hai giới nam và nữ, trong đó ưu tiên cho phái mạnh: nam giới. Xã hội ấy đề cao dòng giống, đề cao sự đông con như là biểu hiện của chữ Hiếu. Vì thế, nó không chấp nhận giới tính khác như là biểu hiện của sự đa dạng, phong phú của tự nhiên, nó không quan tâm đến quyền bình đẳng của một nửa xã hội là nữ giới chứ nói gì đến nhóm nhỏ là cộng đồng LGBT. Xã hội cổ truyền Việt Nam với nền văn minh lúa nước, có sự cởi mở hơn về giới tính, nhưng điều ấy chỉ đảm bảo cho sự ưu tiên nhất định cho quyền phụ nữ, chứ chưa có sự cởi mở về sự đa dạng giới tính. Cộng đồng

⁵ *Trớ trình*: trớ trêu.

⁶ *Dầu ai đem lòng trăng gió - dạ quý ra trêu ghẹo*

⁷ *Lòng tình*: lòng tình khiết

⁸ *Thài lai* (thường viết: thài lay): tài khôn, ra vẻ giỏi.

⁹ *Cam lỗi*: Cam chịu lỗi.

LGBT không bị coi là tội lỗi, quý giá nhưng vẫn bị kỳ thị, vẫn gậy tò mò. Thoát thai từ xã hội ấy, xã hội cận hiện đại Việt Nam cũng chưa có tiến bộ bao nhiêu. Câu chuyện khổ nhục về “Tình trai” của một thi sĩ lớn, tài danh như Xuân Diệu là một minh chứng cho tình trạng ấy.

2. Quan niệm về LGBT trong sáng tác văn học sau năm 1986

Nếu như trước đây khi nói về người đồng tính và những mối tình của người đồng tính thì các nhà văn thường không dám đề cập đến hoặc nói tránh né theo kiểu “chuyển vị” nhưng hiện nay, nhiều nhà văn đã mạnh dạn đi vào vấn đề này và qua ngòi bút của nhà văn chúng ta sẽ thấy cuộc sống cũng như tình cảm, tình yêu của những người đồng tính luôn ái nói riêng và LGBT nói chung hiện lên với đầy đủ những mảng sáng - tối.

Cái mốc Đổi mới văn học năm 1986 vẫn chỉ dừng lại ở sự đổi mới của các nhà văn thế hệ trước, với những vấn đề cũ được đặt lại dưới ánh sáng mới, cái nhìn mới. Tuy nhiên, công cuộc đổi mới văn học đã tạo điều kiện cho tự do sáng tác, nhiều khuynh hướng ra đời đáp ứng thị hiếu và tâm trạng của nhiều tầng lớp, nhiều nhóm xã hội. Văn học LGBT ra đời khi nước Việt Nam đã trở nên thịnh vượng hơn, các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đã thay đổi hẳn, mang dáng dấp của một đô thị châu Á hiện đại. Trong xã hội ấy xuất hiện tầng lớp thị dân mới mà đời sống của họ đã mang tính chất hưởng thụ, xúc cảm cá nhân đã được coi là một trong những vấn đề quan trọng nhất. Những truyện đầu tiên về cộng đồng LGBT ra đời trong bối cảnh ấy.

Ai là người đầu tiên viết về LGBT trong văn học đương đại? Câu hỏi này cần phải trả lời bằng những khảo sát công phu, nhưng trước hết, tác phẩm ấn tượng nhất, có

tiếng vang sớm nhất chính là *Một thế giới không có đàn bà*, tiểu thuyết của Bùi Anh Tấn, xuất bản lần đầu năm 2000, sau đó tái bản năm 2004, và lần tái bản gần nhất là năm 2019. Sau *Một thế giới không có đàn bà*, 5 năm sau Bùi Anh Tấn cho ra đời tác phẩm khác nữa cũng gây tiếng vang không kém là: *Les - vòng tay không đàn ông* (2005). Từ 2005 cho đến hết thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI có hàng loạt tác phẩm ra đời, bắt đầu hình thành dòng văn học LGBT đương đại, đó là: truyện ngắn *Bầy thú bông của Quỳnh* của Trần Thùy Mai in trong tập *Mưa đời sau* của chị (2005), *Những đống lửa trên vịnh Tây Tử* của Trang Hạ (2007), nhất là các tác phẩm của các nhà văn LGBT chính hiệu: *Song song* tiểu thuyết của Vũ Đình Giang (2007); *Dị bản*, tập truyện ngắn của Keng (2008); *Nháp* của Nguyễn Đình Tú (2008); *Thành phố không lạc loài*, tự truyện, Phạm Thành Trung kể Lê Hoài Anh chấp bút (2008), *Bóng*, tự truyện, Lê Văn Dũng kể, Hoàng Nguyên, Đoàn Trang chấp bút (2008), *Lạc giới* của Thủy Anna (2008), ... Thập niên 2010 thì nổi bật là các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thạch: *Đời Callboy* (2012), *Chuyển giới*, tập truyện ngắn (2013), ...

Trở lại với tác phẩm *Một thế giới không có đàn bà* của Bùi Anh Tấn (2000), với sự xuất hiện sớm của nó, với những thành công mà nó đạt được (2 giải A của cuộc thi viết về Truyện ký và tiểu thuyết đề tài vì An Ninh Tổ Quốc năm 1999-2001 của Bộ Công an và giải thưởng Văn học 1995-2005 của Hội Nhà văn Việt Nam trao tặng, sau đó được chuyển thể thành phim *Cảnh sát hình sự*), tác phẩm xứng đáng được vinh danh là tác phẩm mở đầu cho dòng văn học LGBT đương đại.

Trong *Một thế giới không có đàn bà*, nhiều lần tác giả để cho nhân vật của mình

thể hiện quan niệm, cách nhìn nhận của họ về người đồng tính. Cụ thể nhân vật Nguyễn Lâm, Nguyễn Lâm là một thiếu úy công an, anh rất giỏi nghiệp vụ, rất bản lĩnh, rất kinh nghiệm trong nghề, anh được các anh em công an nể trọng, được cấp trên tin tưởng, anh rất kiên quyết và mạnh mẽ đấu tranh với tội phạm “*Chúng ta có trái tim và khối óc, có pháp luật trong tay. Vì vậy, tôi nghĩ dù cho thủ phạm có ranh ma đến đâu, chúng ta cũng đấu tranh đưa nó ra trước ánh sáng*” (Bùi Anh Tấn, 2000: 174). Tuy nhiên, anh cũng như rất nhiều người khác, không hiểu gì về người đồng tính. Anh coi đồng tính là bệnh hoạn, là lệch lạc, là đáng xấu hổ, là điều nhơ nhớp “*Đồng tính luyến ái, pê đê, gay, ... Nguyễn Lâm căm thù những tiếng đờ*” (Bùi Anh Tấn, 2000: 58) từ đó sinh ra bi kịch trong gia đình anh bởi Hoàng - người em trai út trong gia đình anh là gay (đồng tính nam). Sau khi tốt nghiệp đại học, Hoàng về thưa chuyện với gia đình rằng Hoàng là gay và Hoàng xin gia đình cho phép Hoàng được sống thật với con người thật của mình (muốn “come out”) vì nhiều năm qua Hoàng đã cố gắng gồng mình lên để chịu đựng.

Ngay lần thú nhận đó, Hoàng đã bị Nguyễn Lâm đánh cho một trận thừa sống thiếu chết, phải đi bệnh viện cấp cứu. Người cha vì buồn phiền mà mang bệnh rồi qua đời, người mẹ buồn bã bỏ nhà lên chùa tu. Mãi sau này khi có người bạn của mình nhắc tới Hoàng, Nguyễn Lâm vẫn còn căng thẳng và cay cú: “*Thằng chó đê, mày đừng nhắc đến tên nó nữa. Tao chỉ muốn giết nó chết*” (Bùi Anh Tấn, 2000: 151). Chi tiết này trông giống với tình tiết trong *Les - Vòng tay không đàn ông* khi nhân vật Kiều Thu đánh mấy tát tai như trời giáng vào mặt đưa con gái ruột mà bà hết mực yêu thương là Hoàng Châu, vì Châu thổ lộ mình là *les*

và muốn được công khai điều đó. Dù Kiều Thu là một *les* chính hiệu, thế nhưng khi nghe con gái mình thổ lộ thì Kiều Thu bị sốc, không kiềm chế được sự tức giận. Điều này chỉ có thể lý giải rằng: do bản thân là *les* nên hơn ai hết Kiều Thu hiểu những đau khổ, thiệt thòi, bất hạnh của một người *les*, hiểu sự kỳ thị, sự khinh rẻ của xã hội đối với người *les*, ... nên Kiều Thu đau đớn khi biết con gái mình cũng *les*. Và những cái tát tay ấy là hành động bộc phát trong lúc quá đau khổ. Đó cũng là hoàn cảnh của một nhân vật *les* không tên, chị này kể chuyện bi kịch gia đình chị khi chị gái của chị muốn công khai giới tính (come out) “*thật khó nói hết sự kinh hoàng, phẫn nộ của các anh chị em trong gia đình và sự đau khổ khôn nguôi của má. Ba và các anh chị em tẩu chạy, đuổi chị ra khỏi nhà, chị gái tôi đáng lẽ cũng bỏ đi nhưng vì thương má tôi, người mà cả đời chỉ biết sống vì chồng vì con nên không nỡ. Dùng dằng như vậy, chị gái tôi đã đứng giữa ngã ba đường, không thể chọn lựa. Cuối cùng không chịu nổi sự dè bĩu của mọi người, một lần quẫn trí, chị gái tôi đã treo cổ tự tử chết*” (Bùi Anh Tấn, 2005: 217).

Thật sự họ quá khó khăn trên con đường tìm kiếm sự thừa nhận cũng như tìm kiếm hạnh phúc cho riêng họ. Cũng có người tìm được hạnh phúc nhưng hạnh phúc ấy mong manh dễ vỡ như cánh đom đóm lập lờ trong đêm, rồi lại là điệp khúc của tủi hờn và nước mắt...

Lại nói đến nhân vật Quang Việt trong *Một thế giới không có đàn bà*. Quang Việt là bạn thân của Nguyễn Lâm, là một phóng viên giỏi, dày dạn và bản lĩnh, đầy ý thức trách nhiệm và tự trọng. Từng đưa nhiều vụ án đình đám ra trước ánh sáng bất kể nguy hiểm đến tính mạng. Thế nhưng, cũng như Nguyễn Lâm, anh bàng hoàng khi nghe Hoàng thú nhận Hoàng là *gay*: “*Nhìn*

Hoàng kể lể, Việt thấy mình bất lực vì không thể hiểu nổi tại sao. Đây là những điều đã đi quá sự tưởng tượng của anh” (Bùi Anh Tấn, 2000: 200) Và anh đã phải thốt lên: *“Nhưng tại sao lại như vậy được hả em? Anh không hiểu, thực lòng không hiểu? Em là một chàng trai đàn hoàng, khỏe mạnh, có học thức, ... Nhưng tại sao lại như vậy? Hay có ai đó quyến rũ khiến em ra nông nổi này? Có đúng không?”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 199). Và anh đã đề nghị với Hoàng một đề nghị “rất đàn ông”: *“Tại sao em không yêu một cô gái nào, không tự tìm đến đàn bà để điều chỉnh mình. Yêu đi, ngủ với đàn bà đi rồi em sẽ thấy mình là đàn ông”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 201).

Qua đó chúng ta thấy rằng Quang Việt không hiểu gì về người đồng tính, kiến thức về người đồng tính đối với anh là một “miền trắng” và anh là đại diện cho một tập hợp đồng đảo người hiện nay. Họ cho rằng đồng tính là lệch lạc, là bệnh hoạn hoặc nhẹ nhàng hơn thì họ cho rằng đó là sự đua đòi, a dua theo phong trào, hoặc bị ai đó quyến rũ, ... Thật ra, chúng tôi không phủ nhận việc đồng tính giả, hoặc a dua theo phong trào của một số bạn tuổi mới lớn, và cả sự tập nhiễm, nhưng ở đây, vấn đề chúng tôi đang xét đến là sự đồng tính thật - bẩm sinh đã đồng tính.

Tác giả đề cho Hoàng bày tỏ nỗi lòng, tâm sự của Hoàng, cũng là nỗi niềm của rất nhiều người đồng tính: *“Cả thế giới này khinh bợn em, cái xã hội này lên án những người như em. Họ cho rằng pê đê bợn em là nguồn gốc của mọi tội lỗi, là sự băng hoại đạo đức, là sự xuống cấp, là si đả, ... Đúng không anh?”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 212). Sau câu hỏi của mình, Hoàng tự giải bày:

“Trừ những đứa ‘ăn theo’, đua đòi ‘làm’ pê đê theo một bây giờ, thì đây là sự thật. Khi một đứa bé ra đời, ngay cả khi còn

là một bào thai trong bụng mẹ, bản thân nó đâu có quyền chọn lựa cho mình một giới tính nam hay nữ. Như em, em đâu có muốn mình như vậy. Em đã từng vất vả đấu tranh với bản thân để tự điều chỉnh mình, sống như chính hình hài cha mẹ đã sinh ra, nhưng không thể được vì ‘nó’ có từ khi em đã sinh ra và cùng em lớn lên theo năm tháng” (Bùi Anh Tấn, 2000: 212).

Và Hoàng đau khổ thốt lên. Nó vừa là câu hỏi vừa như lời oán trách nghe xót xa đến cay đắng: *“Có ai chịu hiểu điều đó không? Họ khinh rẻ em, coi em là một thứ bệnh hoạn, ma quái cần tiêu diệt vì không phải là người, là thằng... thằng pê đê”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 212) và *“Những người như em cũng là con người, cũng khát khao được yêu thương, được thờ và được sống. Tại sao mọi người lại đổ hết tất cả thói hư tật xấu của xã hội lên đầu những thằng pê đê và coi đây là thứ cần ngăn chặn và tiêu diệt, trong khi một thằng pê đê như em đâu có lỗi gì. Tại sao?”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 213). Trong *Les - Vòng tay không đàn ông*, Bùi Anh Tấn cũng đề cho nhân vật Kiều Thu tâm sự với nhân vật Yên Thảo những lời tương tự như Hoàng vừa nói. Họ biết rằng đồng tính chẳng bao giờ là chuyện vui vẻ gì và cũng chẳng sung sướng gì khi phải thừa nhận với người khác rằng mình đồng tính, nhưng cũng không thể che giấu sự thật ấy bởi suy cho cùng đồng tính và tình yêu của người đồng tính không phải là tội lỗi. Một khi hai con người đến với nhau tự nguyện, và tìm được cảm xúc trong ấy thì tại sao phải nhân danh điều này, điều kia để lên án, chê bai, thậm chí là cấm đoán họ. Thế nhưng những định kiến lâu đời, những chuẩn mực xã hội và đạo đức và đôi lúc còn là giáo điều tôn giáo đã tạo nên những gánh nặng trút lên những người đồng tính. Người ta phê phán, chê bai, khinh bỉ những người đồng tính. Có

người cảm thấy xấu hổ lẫn tủi nhục khi có người thân, bạn bè là người đồng tính. Bản thân người đồng tính cũng rất khổ sở khi nói sự thật về mình “*khi buộc phải thừa nhận sự thật (đồng tính) với ai đó thì cảm giác như bị lột trần truồng giữa ban ngày trước mặt mọi người vậy*” (Bùi Anh Tấn, 2005: 322). Và tác giả để cho nhân vật Hương Trang nói:

“*Mặc cho ở Tây Tầu đâu đó có những người đồng tính giương cờ đi ngoài đường gào thét đòi quyền bình đẳng. Có những nước Á Âu nào đó luật hóa hôn nhân đồng tính... nhưng với những người đồng tính Việt Nam xem ra vẫn là một giấc mơ xa vời. Thôi thì kiếm được một người hiểu mình, yêu mình thì quá tuyệt vời, tu mấy kiếp chẵn, không thì cũng là bèo bọt mây trôi gặp nhau chia sẻ với nhau để rồi lại chia tay. Mãi mãi là kẻ cô đơn trên đường đời đi tìm kiếm cái tôi của mình, tìm kiếm một tình yêu trong tuyệt vọng và chẳng biết ngày mai sẽ ra sao, về đâu*” (Bùi Anh Tấn, 2005: 212).

Rõ ràng định kiến xã hội, tâm lý xã hội, dư luận xã hội đã quá nặng nề khiến cho những người đồng tính nói chung chứ không riêng gì gay hay les quá khổ. Họ mang nhiều mặc cảm, tự ti, việc thừa nhận bản thân theo kiểu trả lời cho câu hỏi “tôi là ai” đôi lúc là một điều hết sức khó khăn và đau khổ đối với họ.

Dường như tác giả đang cố ý để cho nhân vật của mình mà đại diện ở đây là Hoàng nói ra tất cả những nỗi niềm, đó là nỗi niềm không của riêng Hoàng mà của tất cả những người đồng tính: “*không ai sung sướng khi bị coi là một thằng pê đê. Nếu nó là trào lưu, là sự đua đòi thì cần có biện pháp, nhưng còn những người thực sự như em chỉ là một nhóm nhỏ trong xã hội. Họ bầu vú, dựa dẫm vào nhau tìm hơi thở*

trong cuộc sống, chỉ mong những người xung quanh hãy hiểu, chấp nhận, đừng xua đuổi bọn em. Bọn em là người, là người mà...” (Bùi Anh Tấn, 2000: 214) và trong cuộc trò chuyện với Quang Việt thì Hoàng cũng đã cung cấp cho người đọc nhiều thông tin cần thiết, quan trọng có liên quan đến người đồng tính:

“*Pê đê cũng có nhiều loại, cái thứ eo eo xanh đỏ ngoài đường là một loại; cái thường thường rình mò ở hồ bơi, vũ trường, quán bar, rạp chiếu phim cũng là một loại; cái thứ chập chờn ở góc cây cũng là một loại. Còn em ư, em thích đàn ông, nhưng là sự thích thú mang tính đỉnh cao trong trắng của tình cảm, một niềm đam mê có sự đồng cảm giữa hai tâm hồn thật sự cần đến nhau, và đây là một cái gì đó thậm chí cao hơn cả tình yêu nam nữ bình thường*” (Bùi Anh Tấn, 2000: 217).

Còn đây là tâm sự được ghi lại trong nhật ký của nhân vật Phạm Hồng Bàng. Phạm Hồng Bàng xuất thân trong gia đình trí thức, có bố làm quan to, bản thân anh cũng được du học ở Đức về, anh là người từ bé đã được dạy dỗ chu đáo lớn lên học hành đàng hoàng, nghiêm túc với công việc, thế nhưng anh đích thị là người đồng tính. Tác giả Bùi Anh Tấn đã để cho anh xuất hiện ở những trang đầu tiên với một vụ án mạng mà anh là nạn nhân. Sau đó, lật giờ từng trang nhật ký của anh song song với quá trình làm việc của cơ quan điều tra thì người đọc càng hiểu hơn về nội tâm dằn xé, giông bão của những người đồng tính. Nhân vật Bàng viết trong nhật ký:

“*Tôi tự dằn vò, xỉ vả bản thân trong đau khổ thật sự, và cố cưỡng lại những thú vui nhục dục của mình, nhưng không được. Tôi luôn sống trong trạng thái không thăng bằng, lúc nghiêng bên này, lúc ngã sang bên kia với việc đấu tranh với dục vọng của*

bản thân. Để rồi cuối cùng bất lực, tuyệt vọng và lại mong mỏi có một người đàn ông đến với tôi. Cho tôi được âu yếm, được yêu, được quý xuống để tôn thờ bằng cả trái tim mình” (Bùi Anh Tấn, 2000: 225).

Những người có học thức, có ý thức như nhân vật Bằng khác hoàn toàn với những kẻ đồng tính theo một, đồng tính giả. Sự dằn vặt, giằng xé nội tâm lẫn sự lo lắng, bất an trong Bằng không khỏi khiến người đọc đau xót. Nhân vật Bằng viết trong nhật ký: “*Làm sao mọi người hiểu tôi được, có khi nghe tôi nói ra mọi người tưởng tôi là một thú ma quỷ nào đấy trên cõi đời này. Tôi rất sợ sự thật của mình bị phơi bày, và cả thế giới này sẽ phi nhỏ vào tôi”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 226) hay “*làm sao mọi người có thể hiểu được sự phi lý và mâu thuẫn đau khổ đến cùng cực, tuyệt vọng trong tâm hồn tôi?”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 227).

Phạm Hồng Bằng quá đau khổ, lắm lúc anh thấy chán ghét bản thân mình, anh hà khắc, anh ác nghiệt với chính bản thân mình... cũng chỉ vì anh biết anh đồng tính và anh không muốn bất kỳ ai biết anh đồng tính. Vì không muốn ai biết mình đồng tính và quan trọng hơn là do có quan hệ tình dục với những người đồng tính nam khác nên Bằng đã bị nhiễm HIV, khi biết sự thật này Bằng đã xây dựng cho mình một cái chết theo kịch bản do anh làm đạo diễn đó là thuê người giết mình.

Đau khổ của Phạm Hồng Bằng cũng chính là đau khổ của nhân vật Hương Trang trong *Les - Vòng tay không đàn ông*. Hương Trang đã từng rất sốc khi phải đối diện với thực tế phủ phàng, dầy vò bản thân, nặng nề mặc cảm bởi những giá trị xã hội, văn hóa, thuần phong mỹ tục, ... bao quanh chị. Nhiều lần chị tự hỏi mình: tại sao mình lại không được sống như những người phụ nữ khác, có tình yêu trai gái bình thường và có

một mái ấm gia đình hạnh phúc, chồng con đàn hoàng như những người khác và câu hỏi không lời giải đáp. Kiều Thu cũng cũng ngổn ngang những tâm sự “*Biết bao đàn bà con gái lớn lên đều có tình yêu, rồi mặc áo cưới, rồi sinh con đẻ cái, đi làm kiếm sống, nuôi con. Vòng quay quy luật tuần hoàn nhất định của tạo hóa sao không đúng với chúng ta, là sao?”* (Bùi Anh Tấn, 2005: 325). Sau tất cả những dằn vặt, những tổn thương, những đổ vỡ ấy thì các nhân vật cũng đã lấy lại sự cân bằng tâm lý, sự mạnh mẽ nội tâm và họ động viên nhau, họ cùng nhau hi vọng “*vẫn sẽ có những tình yêu đồng tính của những giấc mơ đẹp đầy hoa và lá, biết đâu nhỉ, tại sao ta không có quyền hy vọng là sẽ có một ngày nào đấy tình yêu ấy sẽ đến và nó chỉ là của riêng ta”* (Bùi Anh Tấn, 2005: 330).

Và Bùi Anh Tấn cũng đã để cho nhân vật Hoàng Châu tìm lại đúng bản dạng giới của mình sau những ngày tháng nông nổi hiểu lầm của tuổi trẻ. Hoàng Châu đã có người yêu - một người con trai thật sự làm lay động trái tim của cô bé. Qua đó phải chăng Bùi Anh Tấn cũng đang muốn kêu gọi những ai đang a dua theo phong trào đồng tính, đồng tính giả hoặc chưa xác định được cảm xúc giới tính thì hãy nghiêm túc nhìn nhận lại bản thân để tránh những quyết định sai lầm đáng tiếc.

Trở lại với cái chết của nhân vật Phạm Hồng Bằng, trong quá trình đấu tranh với tội phạm giết người, bọn đồng tính mang bệnh ác tâm (sadisme) các nhân vật và người đọc được biết nhiều hơn về cộng đồng đồng tính, được lắng nghe nhiều các tâm sự của họ, được chứng kiến những mối tình đồng tính đẹp đẽ và thánh thiện, ... dần dần đã dẫn đến sự thay đổi quan niệm về cộng đồng này. Điều đó được thể hiện rõ nhất qua nhân vật Nguyễn Lâm. Có những

giây phút Nguyễn Lân đã tự suy ngẫm lại mình, thái độ và hành vi của mình đối với em trai là Hoàng - một người đồng tính nam:

“Hoàng có lỗi không khi Hoàng không muốn bản thân mình bị như vậy, và anh nữa, anh đã xử sự như một kẻ cuồng tín vì danh dự gia đình, sự sĩ diện với mọi người mà trút nỗi giận không thương tiếc lên đầu đứa em trai mình... Lân ơi, mày vẫn tự hào là một trình sát giới, gan lì, dũng cảm, mưu trí trong công việc thế nhưng trong cách cư xử với gia đình mày chỉ là một kẻ thô lỗ đến vùng về... Giá như ngày ấy mày hiểu em trai mày hơn, hiểu nỗi đau của ba má, hiểu nỗi khổ của vợ con thì đâu đến nỗi như ngày nay” (Bùi Anh Tấn, 2000: 444).

Và Nguyễn Lân từ chỗ căm ghét Hoàng, đánh đập Hoàng, từ mặt Hoàng vì cho rằng Hoàng là nỗi nhục, là vết nhơ của gia đình (do Hoàng công khai mình đồng tính) thì nay anh đã hiểu hơn. Sau những năm tháng anh em xa cách, sau lần tưởng Hoàng đã chết dưới tay bọn đồng tính mang chứng ác dân thì hai anh em ngồi lại tâm sự với nhau, đây cũng là lần đầu tiên Nguyễn Lân chịu lắng nghe, trực tiếp lắng nghe em mình nói về giới tính. Những lời chân thành, gan ruột của Hoàng làm người đọc không khỏi xúc động:

“Chúng em có thể sẵn sàng đổi tính mạng cho nhau, nếu như làm được điều gì đó cho người mình yêu. Không hề có một tý nhục dục bản thủ nào ở đây. Rất khó giải thích cho anh hiểu nỗi, bởi anh không phải là con người như em, nên anh sẽ không cảm nhận được điều em nói. Nhưng em muốn nói với anh rằng em và Trung yêu nhau, một tình yêu của những kẻ đồng giới, thiếu thốn và lạc loài trong cô đơn nên khi tìm được nhau, hiểu nhau thì đây là một tình cảm tuyệt vời, không có một thứ tình cảm nào

trên đời này có thể sánh nổi...” (Bùi Anh Tấn, 2000: 450).

Những điều Hoàng nói quả thật Nguyễn Lân không thể hiểu hết được, không hình dung ra hết được (chính vì vậy nên trước đây anh mới đánh Hoàng thừa sống thiếu chết, dẫn đến bị kịch gia đình sau này) nhưng bây giờ anh đã nhìn vấn đề thoáng hơn, bao dung hơn và nhân văn hơn, anh không hề khó chịu khi nghe Hoàng nói, ngược với những điều trước đây, bây giờ anh lại là người động viên an ủi Hoàng *“Anh hiểu, trong cuộc đời này, mỗi cá nhân đều mang trong mình những đau khổ bất hạnh của riêng mình, anh không muốn nói đây là số phận, nhưng anh khẳng định đây là sự thật và đã là sự thật thì chúng ta phải chấp nhận nó với một thái độ dũng cảm”* (Bùi Anh Tấn, 2000: 451).

Sau đó, má của Hoàng, chị dâu của Hoàng đều vui vẻ đón Hoàng về nhà, không ai nhắc đến chuyện Hoàng đồng tính (bởi đó là một sự thật và họ đã biết cách chấp nhận sự thật đó).

Còn trong *Les - Vòng tay không đàn ông* thì tác giả đã để cho Yên Thảo - là một giảng viên đại học nói với Hoàng Châu về trách nhiệm, bổn phận của một con người đối với bản thân mình và xã hội, qua đó ta thấy sự tiến bộ, nhân văn trong quan niệm của Yên Thảo:

“Đừng quên rằng chúng ta đang sống trong một thế giới mà cần nhất là tình yêu thương giữa con người với con người, đó mới là quan trọng nhất. Sống có trách nhiệm với gia đình, bạn bè, với xã hội và phải biết yêu quý, trân trọng bản thân mình bằng sức mạnh trí tuệ tỏa sáng và khát vọng vươn lên làm việc có ích chính là cách chứng minh hùng hồn nhất với xã hội rằng: chúng ta là con người và dù có là người đồng tính thì cũng hãy hiên ngang ngẩng

cao đầu mà sống, tự tin vào chính bản thân mình và hãy chứng minh mình qua những công việc thật sự có ích cho cộng đồng” (Bùi Anh Tấn, 2005: 306).

Qua diễn biến tâm trạng, sự thay đổi tâm lý và nhận thức của các nhân vật chính, phụ trong hai tác phẩm về vấn đề đồng tính chúng ta thấy cách nhìn của tác giả Bùi Anh Tấn rất cởi mở với vấn đề đồng tính, qua đây thể hiện phần nào sự thay đổi quan niệm xã hội về vấn đề đồng tính theo hướng tích cực. Tất nhiên, theo chúng tôi, để có thể hay đổi được hoàn toàn hoặc tất cả là một điều vô cùng khó khăn, là một câu chuyện dài kỳ.

Kết luận

Nếu như trước đây viết về đồng tính các tác giả phải nép mình trong những ký hiệu biểu đạt kín đáo, được cảm nhận chủ yếu là từ sự liên tưởng, tưởng tượng của người đọc hoặc viết theo lối “chuyên vị” thì đến Bùi Anh Tấn anh đã không ngần ngại dùng những từ ngữ quy chiếu trực tiếp về chủ đề đồng tính ngay từ tên tác phẩm cho đến những câu chuyện, những tình tiết bên trong nội dung tác phẩm. Qua sự đấu tranh nội tâm của các nhân vật, qua các tình hình huống truyện, đặc biệt là sự thay đổi cách nhìn nhận về vấn đề đồng tính ở các nhân vật... chúng ta cũng thấy được phần nào sự thay đổi quan niệm xã hội về cộng đồng

đồng tính nói riêng và LGBT nói chung. Chúng tôi trân trọng những nhà văn tiên phong trong việc tự cởi bỏ và góp phần giúp người đọc cởi bỏ những sự kỳ thị, phân biệt đối xử với người LGBT, nhìn họ bằng cái nhìn cảm thông, công bằng như nhà văn Bùi Anh Tấn. Chúng tôi không có ý định cổ xúy cho đồng tính hay LGBT nhưng nếu nó có thật, nó là sự thật thì chúng ta hãy chấp nhận nó với cái nhìn nhân ái hơn bởi vấn đề không phải ai đó thuộc giới tính nào mà vấn đề là họ có đóng góp, có ý nghĩa gì với chính bản thân họ, với gia đình, cộng đồng xã hội hay không.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Anh Tấn (2000). *Một thế giới không có đàn bà*. Hà Nội, Nxb Công an Nhân dân.
- Bùi Anh Tấn (2005). *Les - vòng tay không đàn ông*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Như Bình (2013). Đề tài đồng tính trong một số tác phẩm văn học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học sư phạm Tp HCM*, số 49, 151-159.
- Tô Hoài (2000). *Cát bụi chân ai*, hồi ký. Hà Nội, Nxb Hội Nhà Văn.
- Trần Ngọc Hiếu (2014). Văn học đồng tính ở Việt Nam từ những hình thức nguy trang đến các tự thuật thú nhận. *Nghiên cứu văn học*, số 6.